BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 6184 /QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt "Quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại cả nước đến 2020 và tầm nhìn đến 2030"

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định 189/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định 27/2007/QĐ-TTg ngày 15/2/2007 của Thủ tướng phê duyệt Đề án Phát triển thương mại trong nước đến năm 2010 và định hướng đến 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thị trường trong nước,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt "Quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại cả nước đến 2020 và tầm nhìn đến 2030" với những nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển nhanh mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại (bao gồm trung tâm mua sắm) gắn liền quá trình hiện đại hóa hệ thống phân phối, thực hiện mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Phát triển mạnh mẽ lực lượng doanh nghiệp kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại thuộc mọi thành phần kinh tế; thực hiện các cam kết mở cửa thị trường dịch vụ phân phối kết hợp với phát triển nhanh các doanh nghiệp trong

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

nước kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại theo cơ chế thị trường, đảm bảo môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng.

3. Xây dựng mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại phù hợp quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn; mật độ và quy mô của các siêu thị, trung tâm thương mại được xác định phù hợp với đặc điểm, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng vùng, khu vực trên địa bàn cả nước; theo quy chuẩn và tiêu chuẩn thống nhất, đạt trình độ tiên tiến; chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, giảm thiểu các nguy cơ gây tác hại đến môi trường trong hoạt động kinh doanh của siêu thị, trung tâm thương mại.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại trong nước phát triển nhanh và hiện đại, dựa trên một cấu trúc hợp lý các hệ thống và các kênh phân phối với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế và loại hình tổ chức, vận hành trong môi trường cạnh tranh có sự quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Phấn đấu đến năm 2020, mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại ở nước ta trở thành kênh bán lẻ hàng hóa chủ yếu trên thị trường trong nước; tốc độ lưu thông hàng hóa được đẩy nhanh; giá cả và chất lượng hàng hóa lưu thông qua hệ thống ổn định; các dịch vụ bán lẻ được cung ứng ngày càng đa dạng, có chất lượng và góp phần tích cực vào thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và cải thiện môi trường; trình độ phát triển thị trường bán lẻ được cải thiện rõ rệt góp phần nâng cao trình độ văn minh đô thị.

2. Mục tiêu cụ thể:

Đến năm 2020, 100% các doanh nghiệp kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại có hệ thống đảm bảo cung cấp nguồn hàng ổn định theo hợp đồng cung ứng với các cơ sở sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ phân phối;

Phấn đấu đến năm 2015, khoảng 40 – 50% các sản phẩm nông sản, thủy sản tươi, sống và 70 – 80% sản phẩn tiểu thủ công nghiệp phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của dân cư được sản xuất ra đáp ứng được các tiêu chuẩn về quy cách, chất lượng sản phẩm bán qua mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại; đến năm 2020, các tỷ lệ tương ứng là khoảng 70-80% và 100%.

100% hàng hóa bán qua mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại được dán nhãn hàng hóa; thường xuyên kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và các quy định khác liên quan đến hàng hóa;

Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa qua mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại đạt bình quân 26-27%/năm đến năm 2015 và 29-30%/năm trong thời kỳ 2016 – 2020.

Tỷ trọng bán lẻ qua mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại chiếm khoảng 27 – 30% tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội năm 2015. Đến năm 2020, tỷ trọng này chiếm khoảng 43 – 45% tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng phát triển các loại hình siêu thị, trung tâm thương mại

Xây dựng các loại hình siêu thị theo quy định tại Quy chế siêu thị, trung tâm thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24 tháng 9 năm 2004 (sau đây gọi tắt là Quy chế hiện hành).

Xây dựng các siêu thị, trung tâm thương mại để từng bước thay thế dần các loại hình bán lẻ truyền thống một cách hài hòa theo quy hoạch, trong đó tập trung trước hết là tại các thành phố lớn.

2. Định hướng phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại

Xây dựng mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại gắn liền với không gian đô thị có quy mô từ loại đặc biệt đến loại V (theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 7 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị).

Tại các đô thị đặc biệt và đô thị loại I sẽ xây dựng mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại có quy mô từ hạng I đến hạng III; đồng thời, xây dựng mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại theo hướng tích hợp với nhiều loại hình bán buôn, bán lẻ khác và các cơ sở cung cấp dịch vụ để hình thành một số khu thương mại tập trung.

Tại các đô thị loại II sẽ xây dựng các siêu thị có quy mô từ hạng I đến hạng III, xây dựng các trung tâm thương mại có quy mô hạng II và III.

Tại các đô thị loại III sẽ xây dựng các siêu thị có quy mô hạng II và III, trung tâm mua sắm hạng III.

Tại các đô thị loại IV và V sẽ xây dựng chủ yếu loại hình siêu thị tổng hợp có quy mô hạng III.

3. Định hướng các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại.

Các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại tích cực tham gia phát triển kinh doanh ở nhiều khâu, nhiều công đoạn khác nhau của quá trình tổ chức lưu thông hàng hóa từ sản xuất đến bán lẻ hàng hóa qua mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại. Khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại phát triển mối liên kết ổn định và lâu dài với cơ sở công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, cơ sở chế biến nông sản, hợp tác xã thương mại và dịch vụ, với trang trại, cơ sở nuôi, trồng nông, lâm, thuỷ, hải sản để xây dựng nguồn hàng ổn định, giảm chi phí lưu thông và giá cả hàng hóa, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

4. Định hướng quản lý siêu thị, trung tâm thương mại

Nhà nước quản lý hoạt động kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại, trên cơ sở các quy định pháp luật; đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra, giám sát

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

hoạt động kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại. Điều chỉnh các quy định đối với loại hình trung tâm thương mại và bổ sung quy định phát triển loại hình trung tâm mua sắm.

IV. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN

1. Tiêu chí xác định quy hoạch

Quy hoạch siêu thị, trung tâm thương mại đến năm 2020 được xác định theo những tiêu chí chủ yếu sau:

a) Tiêu chí xác định loại hình siêu thị, trung tâm thương mại:

Siêu thị được định nghĩa theo Quy chế hiện hành và bổ sung một số tiêu chí khác như: các mặt hàng được bán qua siêu thị có cơ cấu chủng loại phong phú, đa dạng, có nhãn hiệu rõ ràng, trong đó, chủ yếu là các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, bột giặt, các chất tẩy rửa, dụng cụ gia đình và những mặt hàng phục vụ nhu cầu thiết yếu khác của người tiêu dùng; hoạt động bán hàng trong siêu thị do một doanh nghiệp quản lý điều hành.

Trung tâm thương mại được định nghĩa theo Quy chế hiện hành và bổ sung một số tiêu chí khác như: các mặt hàng được bán qua trung tâm thương mại là các mặt hàng tiêu dùng có cơ cấu, chủng loại phong phú, đa dạng, có chất lượng và giá trị cao; trong trung tâm thương mại có nhiều doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ hàng hóa, bao gồm doanh nghiệp kinh doanh siêu thị và doanh nghiệp chuyên kinh doanh những mặt hàng có thương hiệu.

Trung tâm mua sắm là một loại hình trung tâm thương mại, có diện tích rộng với nhiều cửa hàng, cơ sở dịch vụ được quy hoạch theo từng dãy hoặc từng khu, cụm liên hoàn; trong đó, bao gồm cả hoạt động bán buôn và bán lẻ; các loại hình phân phối hiện đại và truyền thống; hàng hóa được bán qua trung tâm mua sắm là các mặt hàng tiêu dùng đa dạng về chủng loại, phẩm cấp chất lượng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của mọi đối tượng có mức thu nhập, thị hiếu khác nhau.

b) Tiêu chí xác định quy mô siêu thị, trung tâm thương mại:

Quy mô siêu thị được phân thành 3 hạng theo diện tích kinh doanh được quy định tại Quy chế hiện hành.

Quy mô trung tâm thương mại được phân thành 3 hạng. Diện tích kinh doanh tương ứng với mỗi hạng như quy định đối với siêu thị tại Quy chế hiện hành.

Quy mô trung tâm mua sắm được phân thành: hạng đặc biệt, hạng I, hạng II và hạng III. Diện tích đất tương ứng với các hạng từ I đến III theo quy định đối với trung tâm thương mại tại Quy chế hiện hành. Riêng trung tâm mua sắm hạng đặc biệt có diện tích từ 150 – 200 ha và được xây dựng để trở thành trung tâm mua sắm tầm khu vực và quốc tế.

Bổ sung tiêu chí về bãi đỗ xe tương ứng với các hạng siêu thị, trung tâm thương mại: diện tích bình quân một chỗ đỗ xe và quy mô bãi đỗ xe tương ứng

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

với quy mô siêu thị, trung tâm thương mại được xác định theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCXDVN 01: 2008/BXD của Bộ Xây dựng ban hành theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 3 tháng 4 năm 2008 (tại mục 2.5.1 – chương II và mục 4.3.3 – chương IV).

c) Tiêu chí xác định địa điểm quy hoạch siêu thị, trung tâm thương mại:

Địa điểm quy hoạch siêu thị, trung tâm thương mại nằm trong không gian đô thị hoặc vùng đô thị.

Siêu thị, trung tâm thương mại có quy mô hạng III được quy hoạch tại vùng cơ sở - tương ứng với "đơn vị ở" được giải thích tại QCXDVN 01: 2008/BXD của Bộ Xây dựng.

Riêng trung tâm mua sắm được quy hoạch tại các khu vực ngoại thành, ngoại thị của các đô thị loại III trở lên.

d) Tiêu chí xác định khoảng cách cần thiết giữa các siêu thị, trung tâm thương mại:

Các công trình siêu thị, trung tâm thương mại phục vụ trong vùng cơ sở, theo QCXDVN 01: 2008/BXD của Bộ Xây dựng, cần đảm bảo bán kính phục vụ không quá 500m, riêng đối với khu vực có địa hình phức tạp, bán kính phục vụ không quá 1,0 km.

Khoảng cách giữa các siêu thị, trung tâm thương mại cùng hạng tại các đô thị hay vùng đô thị lớn phải từ 20 km trở lên đối với siêu thị, trung tâm thương mại hạng I (tương ứng với bán kính phục vụ 10 km); từ 6 km trở lên đối với siêu thị, trung tâm thương mại hạng II (tương ứng với bán kính phục vụ 3 km); từ 1 km trở lên đối với siêu thị, trung tâm thương mại hạng III (tương ứng với bán kính phục vụ 0,5 km).

Riêng các trung tâm mua sắm được quy hoạch tại các khu vực ngoại thành, ngoại thị của các đô thị từ loại III trở lên, nhưng khoảng cách đến trung tâm của đô thị: không vượt quá 25 km đối với trung tâm mua sắm hạng đặc biệt; không vượt quá 20 km đối với trung tâm mua sắm hạng I; không vượt quá 15 km đối với trung tâm mua sắm hạng II; không vượt quá 10 km đối với trung tâm mua sắm hạng III.

2. Quy hoạch mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại

a) Cải tạo, nâng cấp các siêu thị, trung tâm thương mại hiện có

Tổng số siêu thị, trung tâm thương mại cần cải tạo nâng cấp là 333, bằng 45,4% tổng số hiện có.

Tổng số siêu thị, trung tâm thương mại cần di dời là 21, bằng 2,9% tổng số hiện có.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Quy hoạch mới các siêu thị, trung tâm thương mại

Căn cứ vào triển vọng phát triển của thị trường bán lẻ trong nước và các điều kiện phát triển khác, xác định quy hoạch trên địa bàn cả nước như sau: từ 1.200 đến 1.300 siêu thị, tăng thêm 585-695 siêu thị so với năm 2011; 180 trung tâm thương mại, tăng thêm 82 trung tâm thương mại so với năm 211; và 157 trung tâm mua sắm theo tiêu chí quy hoạch trên đây.

Quy hoạch siêu thị, trung tâm thương mại phân theo hạng trên địa bàn các tỉnh đến năm 2020 (phụ lục I kèm theo).

Quy hoạch số lượng dự án siêu thị, trung tâm thương mại tập trung đầu tư đến năm 2015 trên địa bàn các tỉnh có tiềm năng phát triển (phụ lục II kèm theo).

V. VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Vốn đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại do các doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn tự có hoặc huy động từ các nguồn vốn khác trong và ngoài nước.

VI. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT

Tổng nhu cầu sử dụng đất xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại đến năm 2020 khoảng 5.751 - 6.183,1 ha, trong đó:

- Nhu cầu sử dụng đất cho siêu thị là 2.526-2.958,1 ha, bằng 44-49% tổng nhu cầu sử dụng đất;

- Nhu cầu sử dụng đất cho trung tâm thương mại là 3.225 ha, bằng 56-51% tổng nhu cầu sử dụng đất;

VII. GIẢI PHÁP TỔNG THỂ VỀ CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG

1. Giải pháp kỹ thuật :

Nghiên cứu, lựa chọn các phương án thiết kế xây dựng các công trình siêu thị, trung tâm thương mại phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động kinh doanh, điều kiện cơ sở hạ tầng tại khu vực dự án, mức độ đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trong và ngoài khu vực dự án.

Khuyến khích các chủ đầu tư áp dụng các công nghệ mới, công nghệ hiện đại trong việc thu gom, xử lý chất thải.

Nghiên cứu, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hệ thống thu gom, xử lý chất thải phù hợp với loại hình siêu thị, trung tâm thương mại làm cơ sở để các chủ đầu tư áp dụng ngay trong quá trình đầu tư xây dựng.

2. Giải pháp về quản lý:

a) Đối với các cơ quan quản lý nhà nước:

Nâng cao năng lực thẩm định đánh giá tác động môi trường (ĐMT) của các cơ quan cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

Tăng cường vai trò của hệ thống tổ chức bảo vệ môi trường ở cấp cơ sở quận/huyện, phường/xã.

Thường xuyên cập nhật thông tin phản hồi để hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật đối với hoạt động kinh tế, thương mại và bảo vệ môi trường.

b) Đối với các doanh nghiệp:

Các doanh nghiệp phải cử cán bộ lãnh đạo chịu trách nhiệm về hoạt động bảo vệ môi trường; thành lập phòng, bộ phận, cán bộ chuyên trách, tham mưu giúp lãnh đạo quản lý môi trường trong hoạt động kinh doanh của mình; định kỳ kiểm tra việc tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường tại các siêu thị, trung tâm thương mại.

Hàng năm, các doanh nghiệp phải xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường. Kế hoạch này phải được phổ biến rộng rãi nhằm tăng cường nhận thức cho tất cả cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp và tổng kết kết quả thực hiện hàng năm.

Thực hiện công tác giám sát môi trường, định kỳ quan trắc các chất thải gây ô nhiễm môi trường do hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kiểm toán chất thải và thực hiện các giải pháp giảm thiểu chất thải.

Chủ động lập kế hoạch, phương án, chuẩn bị cơ sở vật chất, kỹ thuật để ứng phó sự cố môi trường, khắc phục hậu quả do sự cố môi trường.

Cải tiến thay thế thiết bị, công nghệ, cải tiến bao bì và đóng gói sản phẩm thân thiện hơn với môi trường.

Thực hiện quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14.000.

c) Đối với các tổ chức đoàn thể xã hội:

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân.

Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức đoàn thể và người dân tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường.

Xây dựng phong trào người dân và doanh nghiệp sử dụng các sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường.

VIII. GIẢI PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU

Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư xây dựng và quản lý kinh doanh phát triển siêu thị, trung tâm thương mại theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Tiếp tục thể chế hóa các cam kết của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới về mở cửa thị trường hàng hóa và dịch vụ phân phối đảm bảo cạnh tranh

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

công bằng, bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại. Trên cơ sở biểu cam kết mở cửa thị trường dịch vụ phân phối, Nhà nước tăng cường kiểm soát doanh nghiệp đầu tư nước ngoài về các mặt hàng kinh doanh thuộc danh mục loại trừ và khi xem xét cấp phép mở điểm bán lẻ thứ hai. Đồng thời, Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm hạng I theo quy hoạch ở những khu vực xa trung tâm đô thị.

Khuyến khích các doanh nghiệp phân phối, doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, kể cả doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm và cung cấp mặt bằng bán lẻ cho các doanh nghiệp phân phối dưới hình thức bán lại, cho thuê trên cơ sở vận dụng chính sách ưu đãi đầu tư theo các Nghị định của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư.

Khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại theo chính sách ưu đãi hiện hành quy định tại Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp và quản lý Nhà nước về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Các dự án đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại tại khu vực đô thị của các tỉnh có mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn mức trung bình của cả nước sẽ được xem xét áp dụng chính sách hỗ trợ đầu tư theo: Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2010 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Quyết định 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 phê duyệt Đề án "Phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010 – 2015 và định hướng đến năm 2020".

Các địa phương căn cứ vào quy hoạch đất đai đã được phê duyệt để xác định quĩ đất dành cho xây dựng mới hoặc nâng cấp, mở rộng các trung tâm thương mại, siêu thị trên từng địa bàn cụ thể; công bố kịp thời, công khai khung giá thuê đất cho từng khu vực tạo điều kiện cho nhà đầu tư lựa chọn; cụ thể hóa các cơ chế, chính sách đất đai đáp ứng yêu cầu thỏa đáng về diện tích, thuận lợi về vị trí đối với từng loại quy mô của siêu thị, trung tâm thương mại.

Các cơ sở đào tạo nghề kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại cho lao động nông thôn được hưởng chính sách ưu đãi theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020". Khuyến khích các cơ sở đào tạo nghề của Bộ Công Thương mở rộng đào tạo nâng cao trình độ, năng lực của các thương nhân, nhà phân phối hàng hóa, chuyển giao kiến thức, công nghệ phân phối hàng hóa hiện đại, từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về hàng hóa, bao gói và dịch vụ khách hàng.

Nâng cao vai trò của Sở Công Thương trong việc thẩm định, cấp phép các dự án đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại độc lập, hoặc trong các khu thương mại phức hợp, hoặc khu đô thị theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh; tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ và tăng cương kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng hàng hoá, chống hàng giả, hàng không bảo đảm chất lượng, phòng chống cháy nổ,...

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các bộ, ngành

1.1. Bộ Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các tỉnh thực hiện quy hoạch này, tập trung vào những công việc chủ yếu sau đây:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới quy hoạch phát triển siêu thị, trung tâm thương mại phù hợp với Quy hoạch này và các quy hoạch có liên quan.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các tỉnh trong việc triển khai thực hiện quy hoạch, các dự án đầu tư phát triển siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn.

c) Rà soát cơ chế, chính sách và pháp luật có liên quan đến phát triển, quản lý siêu thị, trung tâm thương mại để sửa đổi, bổ sung và ban hành theo thẩm quyền hoặc thống nhất với các Bộ, ngành liên quan trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung.

1.2. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các bộ, ngành liên quan khác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương triển khai thực hiện các giải pháp, chính sách trong quy hoạch này.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh:

Chỉ đạo Sở Công Thương phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

a) Đối với các tỉnh đã có quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, tiến hành rà soát, nếu chưa phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại cả nước phải tiến hành điều chỉnh quy hoạch, trình Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt.

b) Đối với các tỉnh chưa có quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại cần khẩn trương xây dựng quy hoạch phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và quy hoạch này.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại cả nước, các tỉnh căn cứ vào định hướng và quy hoạch quy định tại Quyết định này và danh mục số lượng các dự án siêu thị, trung tâm thương mại tập trung đầu tư đến năm 2015 (phụ lục II kèm theo) để lập danh mục số lượng các dự án tập trung đầu tư trong giai đoạn tiếp theo (có thứ tự ưu tiên và lộ trình thực hiện) phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Danh mục số lượng dự án siêu thị, trung tâm thương mại tập trung đầu tư đến năm 2015 (nêu trên) có thể được điều chỉnh để phù hợp với sự phát triển

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

kinh tế-xã hội và sự phát triển thương mại của từng địa phương; tuy vậy, trước khi quyết định điều chỉnh, Uỷ ban nhân dân tỉnh cần trao đổi và thống nhất với Bộ Công Thương.

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân tỉnh trong việc xây dựng, thẩm định và hướng dẫn thực hiện các dự án đầu tư siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn theo quy hoạch và kế hoạch được Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt.

đ) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách (phù hợp với quy định của pháp luật) và giải pháp nhằm huy động, khai thác các nguồn lực của địa phương (nhất là nguồn lực của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế) và các tổ chức, cá nhân khác để phát triển siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn.

e) Định kỳ hàng năm, báo cáo Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c)
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các Vụ, Cục, đơn vị thuộc Bộ;
- Viện Nghiên cứu Thương mại;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, TTTN(4).

BỘ TRƯỞNG

Vũ Huy Hoàng

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phụ lục I:

A. QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI SIÊU THỊ CẢ NƯỚC ĐẾN NĂM 2020 THEO TỈNH/THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số 6184 /QĐ-BCT ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Tỉnh/thành phố	Tổng số siêu thị cả nước có đến năm 2020		Trong đó, số siêu thị tăng thêm phân theo hạng:					
			Hạng I		Hạng II		Hạng III	
	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
I.Đồng bằng sông Hồng	**372**	**403**	**15**	**24**	**60**	**66**	**100**	**115**
1. Hà Nội	188	200	6	10	26	29	35	40
2. Vĩnh Phúc	16	18	1	1	2	3	8	9
3. Bắc Ninh	23	25	2	3	6	6	7	7
4. Quảng Ninh	29	32	0	1	6	7	11	12
5. Hải Dương	17	19	1	2	1	1	8	9
6. Hải Phòng	39	44	3	4	9	10	16	19
7. Hưng Yên	12	13	1	1	1	1	2	3
8. Thái Bình	16	16	1	1	1	1	6	6
9. Hà Nam	6	7			1	1	2	3
10. Nam Định	15	17		1	4	4	4	5
11. Ninh Bình	11	12			3	3	1	2
II. Trung du, miền núi phía Bắc	**118**	**127**	**5**	**7**	**20**	**19**	**28**	**36**
1. Hà Giang	3	4			1	1	2	3
2. Cao Bằng	5	6			1	1	1	2
3. Bắc Kạn	2	3			1		1	1
4. Tuyên Quang	8	9	1	1	1	2	2	2
5. Lào Cai	14	15			1	2	2	2
6. Yên Bái	7	7			1	1	2	2
7. Thái Nguyên	26	27	2	2	7	7	3	4
8. Lạng Sơn	8	9	1	1			2	3
9. Bắc Giang	6	7		1	2	1	2	3
10. Phú Thọ	16	17	1	1	2	2	5	6
11. Điện Biên	8	9			1	1	1	2
12. Lai Châu	2	3			1	0	0	0

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
13. Sơn La	5	6		1	1	1	3	3
14. Hòa Bình	6	7					2	3
III. Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	**194**	**211**	**6**	**8**	**27**	**31**	**64**	**75**
1. Thanh Hóa	16	17	1	1	1	1	3	4
2. Nghệ An	33	35	1	2	4	4	6	7
3. Hà Tĩnh	10	10			1	1	3	3
4. Quảng Bình	8	8			1	1	2	2
5. Quảng Trị	9	9					2	2
6. Thừa Thiên Huế	15	16			3	4	4	4
7. Đà Nẵng	20	24	1	2	3	4	14	16
8. Quảng Nam	9	10			2	2	6	7
9. Quảng Ngãi	8	9			1	1	3	4
10. Bình Định	9	11	1	1	1	2	4	5
11. Phú Yên	7	8	1	1	1	1	3	4
12. Khánh Hòa	27	29			5	6	6	7
13. Ninh Thuận	11	12	1	1	2	2	2	3
14. Bình Thuận	12	13			2	2	6	7
IV. Tây Nguyên	**42**	**46**	**2**	**2**	**4**	**8**	**12**	**12**
1. Kon Tum	5	5				1	2	1
2. Gia Lai	18	19	1	1	3	4	1	1
3. Đắk Lắk	10	12	1	1	1	2	4	5
4. Đắk Nông	1	2				1	1	1
5. Lâm Đồng	8	8					4	4
V. Đông Nam Bộ	**360**	**390**	**13**	**17**	**30**	**35**	**131**	**152**
1. Bình Phước	4	5		1			3	3
2. Tây Ninh	7	7					2	2
3. Bình Dương	41	44	4	4	3	4	10	12
4. Đồng Nai	26	28	1	2	6	7	13	13
5. Bà Rịa-Vũng Tàu	17	19			3	4	5	6
6. TP.HCM	265	287	8	10	18	20	98	116
VI. Đồng bằng sông Cửu Long	**114**	**124**	**1**	**3**	**16**	**18**	**51**	**57**
1. Long An	6	7			1	1	3	4

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2. Tiền Giang	8	9			2	2	2	3
3. Bến Tre	3	3			1	1	1	1
4. Trà Vinh	3	4			1	1	1	2
5. Vĩnh Long	8	8			1	1	2	2
6. Đồng Tháp	18	18	1	1			5	5
6. An Giang	12	13			1	1	5	6
8. Kiên Giang	8	8			1	1	5	5
9. Cần Thơ	27	31			4	6	17	19
10. Hậu Giang	5	5			1	1	3	3
11. Sóc Trăng	8	8			1	1	2	2
12. Bạc Liêu	4	5		1	1	1	2	2
13. Cà Mau	4	5		1	1	1	3	3
Cả nước	**1200**	**1300**	**42**	**61**	**157**	**177**	**386**	**447**

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

B. QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI CẢ NƯỚC ĐẾN NĂM 2020 THEO TỈNH/THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số 6184 /QĐ-BCT ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Tỉnh/thành phố	Trung tâm thương mại (Theo QĐ 1371)					Trung tâm mua sắm				
	Tổng số có đến năm 2020	Tổng số tăng thêm	Số tăng thêm phân theo hạng:			Tổng số có đến năm 2020	Phân theo hạng:			
			Hạng I	Hạng II	Hạng III		Hạng đặc biệt	Hạng I	Hạng II	Hạng III
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
I.Đồng bằng sông Hồng	**55**	**26**	**3**	**8**	**15**	**44**	**1**	**3**	**9**	**31**
1. Hà Nội	28	15	2	4	9	19	1	2	4	12
2. Vĩnh Phúc	1	1			1	2				2
3. Bắc Ninh	2					4			1	3
4. Quảng Ninh	5	2		1	1	3			1	2
5. Hải Dương	2	2		1	1	1				1
6. Hải Phòng	9	2	1	1		7		1	2	4
7. Hưng Yên	1	1			1	2				2
8. Thái Bình	3	1			1	2				2
9. Hà Nam	2					1				1
10. Nam Định	1	1		1		2			1	1
11. Ninh Bình	1	1			1	1				1

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
II. Trung du, miền núi phía Bắc	**19**	**4**		**1**	**3**	**19**			**4**	**15**
1. Hà Giang						1				1
2. Cao Bằng						1				1
3. Bắc Kạn	1					1				1
4. Tuyên Quang	3					1			1	
5. Lào Cai	2	1			1	2			1	1
6. Yên Bái						1				1
7. Thái Nguyên	1	1		1		4			1	3
8. Lạng Sơn	3					1				1
9. Bắc Giang	1					1				1
10. Phú Thọ	3	1			1	2			1	1
11. Điện Biên	1					1				1
12. Lai Châu	1	1			1	1				1
13. Sơn La	1					1				1
14. Hòa Bình	2					1				1
III. Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	**29**	**13**	**1**	**2**	**10**	**30**		**4**	**7**	**19**
1. Thanh Hóa	3					3			1	2
2. Nghệ An	4					6		1	1	4
3. Hà Tĩnh	1					2				2
4. Quảng Bình	1	1			1	1				1

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5. Quảng Trị	3	1			1	1				1
6. Thừa Thiên Huế	2	2		1	1	3			2	1
7. Đà Nẵng	4	1	1			3		1	1	1
8. Quảng Nam	1	1			1	1				1
9. Quảng Ngãi	1	1			1	1				1
10. Bình Định	4	1			1	2		1		1
11. Phú Yên	1	1			1	1				1
12. Khánh Hòa	2	2		1	1	3		1	1	1
13. Ninh Thuận	1	1			1	1				1
14. Bình Thuận	1	1			1	2			1	1
IV. Tây Nguyên	**4**	**2**			**2**	**7**		**1**	**2**	**4**
1. Kon Tum	1					1				1
2. Gia Lai	1	1			1	2			1	1
3. Đắk Lắk	1	1			1	2		1		1
4. Đắk Nông	0					0				0
5. Lâm Đồng	1					2			1	1
V. Đông Nam Bộ	**60**	**27**	**4**	**9**	**14**	**40**	**1**	**3**	**10**	**26**
1. Bình Phước	4					1				1
2. Tây Ninh	3					1				1
3. Bình Dương	7	2			2	6			2	4

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
4. Đồng Nai	3	1		1		4			1	3
5. Bà Rịa-Vũng Tàu	3					3			1	2
6. Thành phố Hồ Chí Minh	40	24	4	8	12	25	1	3	6	15
VI. Đồng bằng sông Cửu Long	**13**	**10**	**1**	**1**	**8**	**17**		**1**	**3**	**13**
1. Long An	1	1			1	1				1
2. Tiền Giang	1					2			1	1
3. Bến Tre	1	1			1	1				1
4. Trà Vinh	1	1			1	1				1
5. Vĩnh Long	1	1			1	1				1
6. Đồng Tháp	2	1			1	1				1
6. An Giang	1	1		1		2			1	1
8. Kiên Giang	1	1			1	1				1
9. Cần Thơ	1	1	1			2			1	1
10. Hậu Giang						1				1
11. Sóc Trăng	1	1			1	1				1
12. Bạc Liêu	1	1			1	1				1
13. Cà Mau	1					1				1
Cả nước	**180**	**82**				**157**	**2**	**12**	**35**	**108**

Phụ lục II:

SỐ LƯỢNG SIÊU THỊ, TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI TẬP TRUNG ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2015
THEO TỈNH/THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số 6184 /QĐ-BCT ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Tỉnh/thành phố	Siêu thị				Trung tâm thương mại (Theo QĐ 1371)				Trung tâm mua sắm				
	Tổng số	Phân heo hạng:			Tổng số	Phân theo hạng:			Tổng số	Phân theo hạng:			
		Hạng I	Hạng II	Hạng III		Hạng I	Hạng II	Hạng III		Hạng đặc biệt	Hạng I	Hạng II	Hạng III
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*
I.Đồng bằng sông Hồng	**30**	**3**	**7**	**20**	**2**	**2**	**3**	**5**	**12**		**2**	**3**	**7**
1. Hà Nội	10	1	2	7		2	1		3		2	1	
2. Vĩnh Phúc	2		1	1				1	1				1
3. Bắc Ninh	3	1	1	1				1	1				1
4. Quảng Ninh	3		1	2			1	1	2			1	1
5. Hải Dương	1			1				1	1				1
6. Hải Phòng	5	1	1	3			1		1			1	
7. Hưng Yên	1			1									
8. Thái Bình	1			1					1				1
9. Hà Nam	1			1									
10. Nam Định	2		1	1				1	1				1
11. Ninh Bình	1			1					1				1

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
II. Trung du, miền núi phía Bắc	**15**	**1**	**3**	**11**				**2**	**3**				**3**
1. Hà Giang	1			1									
2. Cao Bằng	1			1									
3. Bắc Kạn													
4. Tuyên Quang	2		1	1									
5. Lào Cai	1			1				1	1				1
6. Yên Bái	1			1									
7. Thái Nguyên	3	1	1	1				1	1				1
8. Lạng Sơn	1			1									
9. Bắc Giang	2		1	1									
10. Phú Thọ	1			1					1				1
11. Điện Biên	1			1									
12. Lai Châu													
13. Sơn La	1			1									
14. Hòa Bình													
III. Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	**20**		**6**	**14**			**1**	**1**	**4**			**3**	**1**
1. Thanh Hóa	2			2				1	1				1
2. Nghệ An	3		1	2					1			1	
3. Hà Tĩnh													

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
4. Quảng Bình													
5. Quảng Trị	1			1									
6. Thừa Thiên Huế	2		1	1									
7. Đà Nẵng	2		1	1			1		1			1	
8. Quảng Nam	2		1	1									
9. Quảng Ngãi	2		1	1									
10. Bình Định	1			1									
11. Phú Yên	1			1									
12. Khánh Hòa	2		1	1					1			1	
13. Ninh Thuận	1			1									
14. Bình Thuận	1			1									
IV. Tây Nguyên	**4**		**1**	**3**				**1**	**1**				**1**
1. Kon Tum													
2. Gia Lai	1			1					1				1
3. Đắk Lắk	2		1	1									
4. Đắk Nông													
5. Lâm Đồng	1			1				1					
V. Đông Nam bộ	**21**	**3**	**6**	**12**		**2**	**1**	**2**	**7**		**2**	**2**	**3**
1. Bình Phước													
2. Tây Ninh	1			1									

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
3. Bình Dương	3	1	1	1			1	1	2			1	1
4. Đồng Nai	2		1	1			1	1	1				1
5. Bà Rịa-Vũng Tàu	2		1	1					1				1
6. Thành phố Hồ Chí Minh	13	2	3	8		2	1		3		2	1	
VI. Đồng bằng sông Cửu Long	**15**	**1**	**2**	**12**		**1**	**1**	**2**	**3**			**1**	**2**
1. Long An	1			1									
2. Tiền Giang	1			1									
3. Bến Tre	1			1									
4. Trà Vinh	1			1									
5. Vĩnh Long	1			1									
6. Đồng Tháp	1			1				1	1				1
6. An Giang	1			1					1				1
8. Kiên Giang	2		1	1									
9. Cần Thơ	3	1	1	1			1		1			1	
10. Hậu Giang	1			1									
11. Sóc Trăng													
12. Bạc Liêu	1			1									
13. Cà Mau	1			1									
Cả nước	**105**	**8**	**25**	**72**	**22**	**4**	**6**	**12**	**30**		**4**	**9**	**17**